

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2013/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh
và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;
quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu**

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý quy hoạch,

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu (sau đây gọi tắt là quy hoạch) theo quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý

quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (Nghị định số 92/2006/NĐ-CP) và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội (Nghị định số 04/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan tới việc lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố thông tin về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí là những yêu cầu về nội dung nghiên cứu, tổ chức thực hiện đối với dự án quy hoạch và dự toán các khoản chi tương ứng để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, do cơ quan lập quy hoạch xây dựng và được Người có thẩm quyền phê duyệt.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch là các cơ quan quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 04/2008/NĐ-CP, là cơ quan thực hiện lập quy hoạch quy định tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 04/2008/NĐ-CP; là cơ quan nhà nước có trách nhiệm lập quy hoạch quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP; là cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm lập quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế - xã hội theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP và các lãnh thổ đặc biệt theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 04/2008/NĐ-CP là Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

b) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu quy định tại khoản 14 và mục b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 04/2008/NĐ-CP là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi tắt là Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ);

c) Cơ quan tổ chức lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu cấp tỉnh là Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

3. Cơ quan lập quy hoạch là cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ lập quy hoạch quy định tại khoản 5 Điều 1 Nghị định số 04/2008/NĐ-CP, được Cơ quan tổ chức lập quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều này giao nhiệm vụ lập dự án quy hoạch, cụ thể như sau:

a) Đối với dự án quy hoạch do các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lập, cơ quan lập quy hoạch là cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu cấp tỉnh, cơ quan lập quy hoạch là Sở, ngành thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c) Đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện, cơ quan lập quy hoạch là Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Ủy ban nhân dân cấp huyện).

4. Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch là cơ quan, đơn vị trực thuộc Cơ quan tổ chức lập quy hoạch và có chức năng, nhiệm vụ quản lý quy hoạch, cụ thể như sau:

a) Đối với quy hoạch do các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức lập, đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch là cơ quan, đơn vị được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý quy hoạch trực thuộc Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Đối với quy hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập, đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch là Sở Kế hoạch và Đầu tư.

5. Tư vấn lập quy hoạch là tổ chức tư vấn có tư cách pháp nhân, hội nghề nghiệp, hội ngành nghề (tổ chức) hoặc chuyên gia được cơ quan lập quy hoạch thuê để lập quy hoạch hoặc thực hiện một số công việc trong quá trình lập quy hoạch theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP.

Chương II

TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH

Mục 1

ĐỀ CƯƠNG, NHIỆM VỤ QUY HOẠCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ

Điều 4. Căn cứ lập đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Các văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết, quyết định về chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Quốc hội và Chính phủ liên quan đến Vùng, địa phương, ngành, lĩnh vực, sản phẩm cần lập quy hoạch;

2. Các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Bộ quản lý ngành đặt ra yêu cầu phải lập quy hoạch;

3. Các quy hoạch liên quan còn hiệu lực thi hành;

4. Các văn bản hướng dẫn về kinh phí cho công tác quy hoạch và các quy định hiện hành về quản lý tài chính có liên quan.

Điều 5. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm xây dựng đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và trình phê duyệt theo quy định.

2. Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch của dự án quy hoạch gồm các nội dung chính như sau:

- a) Tên dự án quy hoạch;
- b) Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch;
- c) Các căn cứ để lập quy hoạch;
- d) Phạm vi, thời kỳ lập quy hoạch;
- đ) Mục tiêu, yêu cầu và các vấn đề chính cần giải quyết của dự án quy hoạch;
- e) Các nội dung chủ yếu của các loại quy hoạch tương ứng theo quy định tại các Điều 16, 19, 22 và 26 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;
- g) Các yêu cầu về hồ sơ sản phẩm của dự án quy hoạch;
- h) Yêu cầu về tiến độ; trách nhiệm của các bên liên quan trong quá trình xây dựng dự án quy hoạch.

3. Dự toán kinh phí đối với dự án quy hoạch được lập theo quy định tại các văn bản hướng dẫn về kinh phí cho công tác quy hoạch và các quy định hiện hành về quản lý tài chính có liên quan.

Điều 6. Thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí đối với các dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền, cụ thể như sau:

- a) Việc thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo hình thức thành lập Hội đồng thẩm định.

Số lượng thành viên, cơ cấu, thành phần của Hội đồng thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch do Thủ trưởng cơ quan tổ chức lập quy hoạch quyết định, nhưng phải có đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính (đối với quy hoạch do các Bộ quản lý ngành lập); đại diện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính (đối với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh).

Điều kiện tiến hành phiên họp, việc biểu quyết đánh giá của Hội đồng thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí được áp dụng tương ứng đối với Hội đồng thẩm định dự án quy hoạch quy định tại khoản 2 Điều 18 và Điều 19 Thông tư này.

b) Việc thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí của dự án quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện theo hình thức lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản của các cơ quan có liên quan; trong đó phải có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính (đối với các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ); ý kiến của Bộ quản lý ngành, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính (đối với các quy hoạch ngành của tỉnh); ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư và Sở Tài chính (đối với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp huyện).

2. Đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch có nhiệm vụ triển khai công tác thẩm định, cụ thể như sau:

a) Trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan tổ chức lập quy hoạch quyết định danh sách Hội đồng thẩm định; triển khai họp thẩm định; tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định; phối hợp với cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí và lập Báo cáo kết quả thẩm định;

b) Trong trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản, đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch chịu trách nhiệm triển khai lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan có liên quan, tổng hợp ý kiến thẩm định; phối hợp với cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí và lập Báo cáo kết quả thẩm định.

3. Báo cáo kết quả thẩm định đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí bao gồm một số nội dung chủ yếu sau:

- a) Sự phù hợp của các căn cứ pháp lý;
- b) Sự cần thiết, tính cấp bách và ý nghĩa thực tiễn của quy hoạch;
- c) Sự phù hợp về nội dung của đề cương, nhiệm vụ quy hoạch, dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch;
- d) Kết luận của Hội đồng thẩm định (đối với trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định) hoặc kiến nghị của đơn vị thường trực thẩm định quy hoạch (đối với trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản).

Điều 7. Trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí

1. Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm trình phê duyệt đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí.